

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUY TIÊN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số : 37/2020/HSST  
Ngày 29 - 7 - 2020*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạnh Xuân Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Minh Tuấn;

2/ Ông Trần Đức Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam** tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXX-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 đối với:

*\* Các bị cáo:*

**1/ Đào Duy S**, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 5 Đồng Y, xã Chân L, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đào Duy B và bà Trần Thị H; vợ: Nguyễn Thị Nh; con: Có 02 con (lớn SN 2010, nhỏ SN 2012); tiền án: Ngày 11/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử 18 tháng tù giam, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, ra trại 27/01/2020; tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình theo lệnh tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình về tội: “Trộm cắp tài sản”; (có mặt).

**2/ Trần Văn T**, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn Hoàng X, xã Trần Hưng Đ, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th; vợ: Trương Thị Thu Th; con: Có 02 con (lớn SN 2014, nhỏ SN 2015); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03/4/2015, bị Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính, hình thức: Cảnh cáo, về hành vi: Mua số lô, đề. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam theo lệnh tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (có mặt).

**3/ Trương Quang Gi,** sinh năm 1997; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 1 Chương L, xã Bắc L, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn Đ và bà Trương Thị Đ; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 16/3/2018, bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử 12 tháng tù giam, về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Ngày 29/3/2018, bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử 08 tháng tù giam, về tội: Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt là 20 tháng tù, bị can chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, đến ngày 13/8/2019 ra tù về địa phương; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/9/2012, bị Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi: Gây rối trật tự công cộng mang theo vũ khí thô sơ. Mức phạt tiền: 750.000 đồng (đã chấp hành nộp phạt ngày 06/9/2012); ngày 20/10/2015, bị Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi: Xâm hại sức khoẻ của người khác. Mức phạt tiền: 2.500.000 đồng (đã chấp hành nộp phạt ngày 27/10/2015); ngày 07/6/2016, bị Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi: Xâm hại sức khoẻ của người khác. Mức phạt tiền: 2.500.000 đồng (đã chấp hành nộp phạt ngày 15/6/2016); bị bắt tạm giam ngày 11/5/2020 đến nay; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; (có mặt).

**4/ Trương Tất Đ,** sinh năm 1985; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn Ngô H, xã Bắc L, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn Ph và bà Phạm Thị Th; vợ: Trần Thị T; con: Có 03 con (lớn nhất SN 2007, nhỏ nhất SN 2011); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử 30 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam theo lệnh tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy”; (có mặt).

*\*Các bị hại:*

1/ Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Phố Xích Đ, phường Lam S, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2/ Anh Hà Văn Qu, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 6 Thượng V, xã Nhân Ch, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Ch, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Anh Trương Văn D, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn 1 Chương L, xã Bắc L, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Chị Vũ Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố Ninh L, phường Duy M, thị xã Duy T, Hà Nam; vắng mặt.

\**Người làm chứng*: Chị Lương Thị Th, sinh năm 1980; vắng mặt; ông Hà Văn Th, sinh năm 1954; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Vụ thứ nhất*: Khoảng 14 giờ ngày 23/2/2020, Đào Duy S, SN: 1990 trú tại thôn 5 Đồng Y, xã Chân L, huyện Lý Nh, đi xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu xanh ngọc chở Trần Văn T, SN: 1990 trú tại thôn Hoàng X, xã Trần Hưng Đ, huyện Lý Nh đi từ huyện Lý Nh theo đường đê Sông Hồng đến khu vực UBND xã Mộc N, thị xã Duy T rồi rẽ trái đi vào thôn Yên L, xã Mộc N, thị xã Duy T. Khi đi được khoảng 100 m, S nhìn thấy tại sân nhà anh Phạm Văn V, SN 1970 ở thôn Yên L, xã Mộc N, thị xã Duy Tiên có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu cam, đen, BKS: 89B1 – 291.37, vẫn cắm chìa khoá ở ổ khoá (là xe của chị Phạm Thị T, SN: 1976 ở phố Xích Đ, phường Lam S, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Yên bên sườn xe có một mũ bảo hiểm màu đỏ, giữa đỉnh mũ có viền đen, trong cốp xe có số tiền 11.000.000 đồng, thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe hạng A1 và 01 thẻ BHYT đều mang tên Phạm Thị T; 01 giấy đăng ký xe và 01 bảo hiểm dân sự đều của xe mô tô BKS: 89B1 – 291.437, phía dưới túi trong cốp xe còn có một áo mưa trùm màu đen). Lúc này S điều khiển xe mô tô quay đầu lại đi qua cổng nhà anh V khoảng 5 mét thì dừng xe lại rồi nói với Trần Văn T: “*Có chiếc xe vẫn cắm chìa khoá mày vào lấy đi*”. T đồng ý và xuống xe đi vào cổng nhà anh V. Thấy không có người, T tiến sát đến chiếc 89B1 – 291.37 của chị T dùng hai tay dắt lùi chiếc xe ra cổng rồi bật khoá điện nổ máy điều khiển xe 89B1 – 291.37 cùng Đào Duy S đi theo đường đê Sông Hồng về huyện Lý Nh. Khi đi đến bãi rác thuộc xã Chính L, huyện Lý Nh, S bảo T: “*Dừng xe lại*” rồi cùng nhau kiểm tra trong cốp xe vừa trộm cắp được thì thấy có một chiếc túi xách màu đen, bên trong túi xách có tiền, S đếm thấy số tiền là 11.000.000 đồng, còn Trần Văn T kiểm tra thấy có đăng ký xe mô tô 89B1 – 291.37 và giấy tờ tùy thân của chị T. Tại sườn xe có đeo 01 mũ bảo hiểm. T giữ lại Đăng ký xe mô tô còn vớt lại toàn bộ giấy tờ, túi xách, mũ bảo hiểm ở tại bãi rác. T chia cho S số tiền 5.500.000 đồng rồi đi xe BKS: 89B1- 291.37, S đi xe của S về nhà Trương Tất Đ, SN 1985 ở thôn Ngô H, xã Bắc L, huyện Lý Nh. Đến nơi S nói với Đ: “*Anh xem có lấy chiếc xe này không*”, Đ hỏi S: “*Xe có giấy tờ không*”, S nói: “*Xe có đầy đủ giấy tờ*” và đưa cho Đ giấy đăng ký xe. Đ kiểm tra so sánh giữa đăng ký xe và số khung, số máy, biển kiểm soát của xe thấy trùng nhau nên Đ hỏi S: “*Con xe này bán bao nhiêu*”, S nói: “*Bán 8.000.000 đồng*”. Đ không nghi ngờ gì về nguồn gốc xe nên đồng ý mua chiếc xe mô tô BKS: 89B1 – 291.37 của S với giá 8.000.000 đồng. Khi nhận được tiền của Đ xong, T và S đi về chia nhau mỗi người được 4.000.000 đồng. Đến ngày 18/3/2020, Đ

nói chuyện muốn bán chiếc xe mô tô BKS: 89B1 – 291.37 với Trần Văn H, SN: 1991 ở thôn 2, xã Nhân Ch, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam là thợ lái xe thuê cho gia đình Đ. Do trước đây H làm lái xe cho anh Nguyễn Anh T, SN 1980 ở thôn 6, xã Nhân Ch, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam có nhu cầu cần mua xe có đầy đủ giấy tờ về làm phương tiện đi lại nên H giới thiệu cho Đ tự liên hệ với T để trao đổi mua bán xe. Đến khoảng ngày 22 - 24/3/2020 thì Đ rủ H mang chiếc xe mô tô BKS: 89B1- 291.37 bán cho anh T với giá 12.000.000 đồng nhưng chưa có giấy tờ mua bán nên anh T chỉ đưa trước số tiền 5.000.000 đồng cho Đ, còn nợ lại số tiền 7.000.000 đồng.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 09 giờ 00' ngày 06/3/2020, tại quán Karaoke 168 thuộc địa phận huyện Bình L, tỉnh Hà Nam, Đào Duy S rủ Trần Văn T và Trương Quang Gi, sinh năm: 1997 trú tại thôn Chương L, xã Bắc L, huyện Lý Nh đi trộm cắp tài sản. S nói: *“Tí nữa anh em đi làm”*. Hiểu ý của S là rủ mình đi trộm cắp tài sản nên T, Gi đồng ý và nói: *“Ừ”*. Sau khi rủ nhau xong thì S, T và Gi đi về nhà của mình. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, S một mình đi xe mô tô của S nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu xanh ngọc, BKS: 29Y.....(còn các số khác thì S, T, Gi đều không nhớ) đến trường cấp 2 xã Trần Hưng Đạo gặp và chờ T đi ra cây xăng trên đường cao tốc Thái Hà gặp Gi. Tại đây S chờ T, Gi đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng BKS: 90B1 – 24858 (đây là xe mô tô của em trai Gi là Trương Văn D) cùng đi vào khu vực thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T để trộm cắp xe máy. Khi đi qua đoạn đường liên thôn Văn B đang thi công, S và T đều nhìn thấy trong sân một nhà dân ở bên trái đường có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ, đen, xám đang cắm chìa khoá ở ổ khoá điện, đuôi xe quay ra cổng (là xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX màu đỏ, đen, xám, BKS: 90B1 – 257.04 của anh Hà Văn Qu, sinh năm: 1982 ở thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T). Lúc này S chờ T đi qua nhà anh Qu khoảng 2 – 3 mét thì dừng lại còn Gi đi xe qua khoảng 5 mét thì dừng xe lại. S nói với T: *“Có con xe ở trong sân, vẫn cắm chìa khóa xe, mày vào lấy đi”* rồi tắt máy xe mô tô cùng Gi dừng xe đứng ngoài đợi. T xuống xe rồi một mình đi vào nhà anh Qu thấy cổng mở, không có ai ở sân, T tiến sát đến chiếc xe mô tô: 90B1 – 257.04 đang dựng bằng chân chống phụ, T dùng hai tay để dắt quay đầu xe mô tô Wave 90B1 – 257.04 ra khỏi cổng nhà anh Qu rồi bật mở khoá điện và điều khiển chiếc xe mô tô vừa lấy trộm được về hướng Hoà Mạc rẽ ra đê Sông Hồng đi về hướng huyện Lý Nh. Thấy T đã lấy trộm được xe nên S và Gi điều khiển xe đi theo T. Khi đi trên đê Sông Hồng, S bảo T và Gi: *“Dừng xe lại tháo biển”* rồi S và T mở cốp xe mô tô 90B1 – 257.04 để kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có một bộ quần áo mưa màu xanh, S lấy cờ lê trên xe của S cùng T tháo biển số xe mô tô 90B1 – 257.04 để tránh bị phát hiện. T vớt bộ quần áo mưa màu xanh còn Gi vớt biển kiểm soát xe mô tô 90B1 – 257.04 xuống Sông Hồng (khu vực nào thì T, Gi và S đều không nhớ). Sau đó S, T và Gi đi về xã Bắc L, huyện Lý Nh. Khi gần đến nhà Gi thì Gi nói với T và S: *“Cứ mang xe về nhà Đ, có gì báo lại cho em”* rồi đi về nhà mình. S và T đi đến nhà Trương Tất Đ để bán xe mô tô vừa trộm

cấp được. Khi đến nhà Đ, S nói với Đ: “*Anh có lấy chiếc xe này không*”, Đ hỏi S: “*Bán bao nhiêu, xe ở đâu*”, S nói: “*Xe ở xa, bán 2.500.000 đồng*”. Thấy xe mô tô do T và S mang bán không có biển số, không có giấy tờ xe và thấy S nói là: “*Xe ở xa*” nên Đ hiểu chiếc xe mô tô do T và S bán là xe do T và S trộm cắp được mà có. Vì ham rẻ nên Đ đồng ý mua chiếc xe này với giá 2.500.000 đồng. Khi Đ đưa cho T 2.500.000 đồng thì S cho Đ 100.000 đồng. S cầm số tiền 2.400.000 đồng rồi giữ lại số tiền 800.000 đồng, còn lại số tiền: 1.600.000 đồng S đưa cho T để T chia cho Gi. T giữ lại 800.000 đồng còn 800.000 đồng thì khoảng 3 – 4 ngày hôm sau T và S đến nhà Gi đưa cho Gi và nói: “*Tiền đi làm lấy xe Wave hôm trước*”. Gi cầm tiền và hiểu đó là tiền được chia từ việc bán chiếc xe lấy trộm được tại xã Trác V, thị xã Duy Tiên.

Ngày 17/4 và 10/5/2020, chị Phạm Thị T và anh anh Hà Văn Qu đã làm đơn trình báo cơ quan có thẩm quyền về việc bị trộm cắp xe mô tô như trên.

*Vật chứng thu giữ được:* Một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen, xám số khung: 5224CY629175, số máy: 5060003, không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng thu tại nhà Trương Tất Đ; tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX màu cam, đen, đeo BKS: 89B1 - 291.37, số khung: RLHJA3202EY066784, số máy: JA32E - 1148634, không có gương chiếu hậu và một chìa khoá xe mô tô dài 7,5cm, có chuôi bằng nhựa màu đen và có dòng chữ “Honda” do anh Nguyễn Anh T giao nộp; tạm giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy: 019439, tên chủ xe là Phạm Thị T, địa chỉ: Lam S, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu cam, đen, biển số đăng ký: 89B1 - 291.37, do phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Hưng Yên cấp ngày 15/12/2015. Một sổ bảo hành xe mô tô BKS: 89B1 - 291.37, số khung: RLHJA3202EY066784, số máy: JA32E - 1148634 của chị Phạm Thị T.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản số 10/KL - HĐ, ngày 27/4/2020 và số 15/KL - HĐ, ngày 27/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Duy Tiên, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, xám, đen, BKS: 90B1 – 257.04 và một bộ quần áo mưa bằng nilon màu xanh có giá trị là: 6.002.000 đồng; Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX FI, màu sơn cam, đen, BKS: 89B1 - 291.37, một áo mưa trùm màu đen, một chiếc túi xách giả da, một mũ bảo hiểm có tổng giá trị giá là: 8.027.000 đồng.

*Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại là Anh Qu, chị T xác nhận đã nhận lại chiếc xe mô tô của mình bị trộm cắp. Theo đó anh Qu không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Riêng chị T có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 11.000.000 đồng để trong cốp xe bị các đối tượng đã chiếm đoạt.

Đối với Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi cùng xác nhận sau khi được chia tiền bán xe trộm cắp đã ăn tiêu hết và chưa giao nộp số tiền được hưởng từ việc thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên.

Đối với số tiền 5.000.000đ mà Nguyễn Anh T đã bỏ ra mua chiếc xe BKS: 89B1 - 291.37 của bị cáo Trương Tất Đ, nay anh T không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường số tiền này. Ngoài ra, bị cáo Trương Tất Đ cũng không yêu cầu các bị cáo S và T bồi thường tổng số tiền 10.400.000đ là tiền mà bị cáo Đ bỏ ra mua hai chiếc xe BKS: 90B1 - 257.04 và chiếc xe BKS: 89B1 - 291.37.

*Về vật chứng của vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên đã trả lại cho anh Hà Văn Qu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen, xám số khung: 5224CY629175, số máy: 5060003, không có biển kiểm soát. Trả lại cho chị Phạm Thị T một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX màu cam, đen, đeo BKS: 89B1 – 291.37, không có gương chiếu hậu và một chìa khoá xe mô tô dài 7,5cm; Một giấy chứng nhận đăng ký xe: 89B1 – 291.37; Một sổ bảo hành xe mô tô BKS: 89B1 – 291.37.

Đối với chiếc xe mô tô Đào Duy S dùng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản, S đã bán cho một người không rõ lý lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không thu giữ được.

Biển số xe 90B1- 257.04, gương chiếu hậu và bộ quần áo mưa màu xanh trong cốp xe của anh Qu, các đối tượng đã vứt đi không nhớ chính xác vị trí vứt nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không thu giữ được.

Đối với gương chiếu hậu của xe BKS: 89B1 - 291.37, chiếc túi giả da có dây đeo màu đen, thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị T, một giấy phép lái xe hạng A1 và một thẻ bảo hiểm y tế của chị Phạm Thị T, một bộ áo mưa trùm màu đen, mũ bảo hiểm màu đỏ sau khi trộm cắp xe xong các đối tượng đều đã vứt đi ở bãi rác xã Chính L, huyện Lý Nh. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên phối hợp với Công an xã Chính L, huyện Lý Nh truy tìm nhưng không thu giữ được.

Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 06/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Trương Tất Đ về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 06/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi. Áp dụng riêng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Duy S và Trương Quang Gi. Áp dụng riêng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Tất Đ. Xử phạt: Bị cáo Đào Duy S mức án từ 18 đến 24 tháng tù; bị cáo Trần Văn T mức án từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Trương Quang Gi mức án từ 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Trương Tất Đ mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự,

xử lý vật chứng và tuyên truy thu khoản tiền các bị cáo đã chiếm hưởng cũng như án phí đối với từng bị cáo phải chịu.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra Công an thị xã Duy Tiên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên và các chức danh tư pháp đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về trách nhiệm hình sự:* Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do thiếu tiền tiêu xài nên Trương Quang Gi, Đào Duy S, Trần Văn T đã cùng bàn bạc, rủ nhau trộm cắp tài sản rồi bán cho Trương Tất Đ. Cụ thể như sau:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng 14h ngày 23/2/2020, Đào Duy S chở Trần Văn T bằng xe mô tô của T đến địa bàn xã Mộc N, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam để trộm cắp tài sản. Khi S và T phát hiện 01 chiếc xe mô tô BKS: 89B1 - 291.37 trị giá 8.000.000đ của chị Phạm Thị T, SN 1976, trú tại phố Xích Đ, phường Lam S, thành phố Hưng Y, tỉnh Hưng Yên đang dựng chân chống phụ, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện tại sân nhà anh Phạm Văn V, SN 1970, địa chỉ thôn Yên L, xã Mộc N, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam (trên xe có 01 mũ bảo hiểm, trong cốp xe có 11.000.000VND tiền mặt, 01 bộ áo mưa trị giá 2.000đ, 01 chiếc túi xách trị giá 5.000đ, 01 mũ bảo hiểm trị giá 20.000đ và một số giấy tờ tùy thân khác của chị T). Tổng giá trị tài sản mà S, T đã chiếm đoạt của chị T trị giá là 19.027.000 đồng. Sau khi trộm cắp được, S và T đã chia nhau số tiền mặt là 11.000.000 đồng, rồi tiếp tục mang xe mô tô bán cho Trương Tất Đ lấy 8.000.000 đồng chia nhau. Do xe có giấy tờ nên Đ không biết đó là xe do trộm cắp mà có.

*Vụ thứ hai:* Khoảng 11h 30 ngày 06/3/2020 Đào Duy S rủ Trần Văn T, Trương Quang Gi đi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Duy T. Khi S, T và Gi đi 02 xe mô tô (một xe mô tô của S, một xe mô tô do Gi mượn của anh D) đến đường liên thôn Văn B, xã Trác V, thị xã Duy T, phát hiện chiếc xe mô tô BKS: 90B1 - 257.04 trị giá 6.000.000đ, trong cốp xe 01 bộ áo mưa trị giá 2.000đ của anh Hà Văn Qu đang dựng ở sân, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Cả ba dừng xe để T vào trộm cắp chiếc xe trên, rồi mang bán chiếc xe này cho Trương Tất Đ với giá 2.400.000đ để lấy tiền chia

nhau. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo S, T và Gi đã chiếm đoạt trị giá 6.002.000 đồng,

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, HĐXX xác định hành vi của các bị cáo Đào Duy S, Trương Quang Gi, Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trương Tất Đ, mặc dù biết rõ số tài sản là chiếc xe mô tô do S, T và Gi đem bán là tài sản trộm cắp được mà có, nhưng vì hám lợi Đ vẫn đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng. HĐXX xác định hành vi trên của Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy tiên truy tố các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi và Trương Tất Đ là hoàn toàn có căn cứ pháp lý.

Mặt khác, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngoài các lần phạm tội trên, các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T và Trương Tất Đ còn thực hiện hành vi tội phạm khác, cụ thể: Đào Duy S đang bị các cơ quan tiến hành tố tụng tại huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền về tội “*Trộm cắp tài sản*” ; Trần Văn T đang bị tạm giam theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Trương Tất Đ đang bị tạm giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

### [3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Đào Duy S đã bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo bản án số 02/2019/HSST ngày 11/01/2019, được ra tù 27/01/2020; bị cáo Trương Quang Gi đã bị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo bản án số 14/2018/HSST ngày 16/3/2018 và mức án 08 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo bản án số 19/2018/HSST ngày 29/3/2018. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 20 tháng tù, được ra tù ngày 13/8/2019, tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này cả hai bị cáo S và Gi đều chưa được xóa án tích, nên cùng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trong vụ án này, các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập, vì vậy các bị cáo S và T phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội*

02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trương Tất Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Xét vai trò thực hiện tội phạm của các bị cáo và tính chất của vụ án:* Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó Đào Duy S là người rủ rê và cùng Trần Văn T là người thực hiện cả hai lần trộm cắp tài sản, nên HĐXX xác định bị cáo S giữ vai trò đầu, bị cáo Trần Văn T giữ vai trò thứ hai; Trương Quang Gi giữ vai trò đồng phạm với S và T trong vụ trộm cắp chiếc xe của anh Hà Văn Qu ngày 06/3/2020 giữ vai kế tiếp sau S và T. Riêng bị cáo Trương Tất Đ chịu trách nhiệm độc lập về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” đối với việc mua chiếc xe mô tô của anh Qu bị trộm cắp ngày 06/3/2020.

Từ nhận định trên nhận thấy: Các bị cáo: S, T, Gi và Đ là người có nhân thân xấu, là người có năng lực hành vi pháp luật đầy đủ nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, điều đó thể hiện các bị cáo là người coi thường pháp luật và quy tắc cuộc sống xã hội. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 38 BLHS xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cho cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay tại địa phương.

Trong vụ án này, anh Trần Văn H có hành vi giới thiệu cho anh Nguyễn Anh T biết và mua chiếc xe mô tô BKS: 89B1 - 291.37. Tuy nhiên anh H, anh T đều không biết đây là tài sản do trộm cắp có được, nên hành vi của anh H anh T không cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không xử lý đối với anh H, anh T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 90B1 – 248.58 mà bị cáo Trương Quang Gi cùng các bị cáo S và T sử dụng đi trộm cắp tài sản ngày 06/3/2020. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của anh Trương Văn D (anh trai của bị cáo Gi). Anh D cho biết chiếc xe trên anh mua lại tại đại lý xe cũ ở Vĩnh Trụ xe mang tên chị Vũ Thị D ở phường Duy M, Duy T. Bản thân chị D cũng xác nhận đã bán chiếc xe trên cho người khác. Anh D cho rằng: Việc bị cáo Gi tự ý dùng chiếc xe của anh để đi thực hiện hành vi phạm tội anh không biết. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không xử lý đối với chiếc xe mô tô trên là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quan điểm của chị T yêu cầu các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T phải bồi thường cho chị số tiền 11.000.000 đồng để trong cốp xe mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo S và bị cáo T nhất trí với yêu cầu của bị hại. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Đào Duy

S, Trần Văn T, phải liên đới bồi thường cho chị Phạm Thị T 11.000.000đ. Chia theo phần, bị cáo S và T mỗi người phải bồi thường cho chị T số tiền 5.500.000đ.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo và tính chất của vụ án, HĐXX cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cả 04 bị cáo ở mức khởi điểm quy định tại khoản 5 Điều 173 và 323 BLHS là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, nay không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] *Về khoản tiền chiếm hưởng bất chính*: Trong vụ án này, các bị cáo S, T mỗi người đã chiếm hưởng số tiền 4.800.000đ; bị cáo Gi chiếm hưởng số tiền 800.000đ thông qua việc bán tài sản phạm tội là 02 chiếc xe mô tô trộm cắp mà có. Do vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 47 BLHS để truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] *Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. *Áp dụng*:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T và Trương Quang Gi; áp dụng riêng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, Gi; áp dụng riêng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo S, T.

- Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Tất Đ.

*Tuyên bố*: Các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T và Trương Quang Gi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Trương Tất Đ phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Xử phạt: Bị cáo Đào Duy S 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Quang Gi 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày 11/5/2020.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Tất Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

4. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T, phải liên đới bồi thường cho bị hại là chị Phạm Thị T số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị T số tiền 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

5. *Về hình phạt bổ sung*: Áp dụng khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 BLHS. Phạt tiền các bị cáo: Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi và Trương Tất Đ mỗi bị cáo số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

**6. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T, Trương Quang Gi, Trương Tất Đ mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Đào Duy S, Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

**7. Truy thu khoản tiền chiếm hưởng bất chính:** Áp dụng Điều 47 BLHS: Truy thu của các bị cáo Đào Duy S và Trần Văn T mỗi người số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng); của bị cáo Trương Quang Gi số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- Công an thị xã Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạnh Xuân Hải**







[2] Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn Toàn, Nguyễn Tuấn Nghĩa, Nguyễn Khánh Thiện, Trần Văn Hà, Đào Xuân Sơn và Nguyễn Văn Chung đủ yếu tố cấu thành tội “ *Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm

sát đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, các bị cáo thực hiện hành vi với mục đích sát phạt nhau được thua bằng tiền, thể hiện sự coi thường kỉ cương pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Vì vậy HĐXX cần phải xử lý trước pháp luật đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng”, sát phạt nhau bằng tiền là do ham thích và hoàn toàn tự nguyện, không bị ai kích động, dụ dỗ. Trong đó các bị cáo Toàn, Nghĩa, Thiện, Hà, Sơn đều là người giữ vai trò thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Riêng bị cáo Chung tuy không tham gia đánh bạc nhưng đã gọi điện rủ rê các bị cáo: Toàn, Thiện, Hà và Nghĩa đến nhà mình để đánh bạc và chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và thu tiền hồ nên giữ vai trò chính, đồng phạm với các bị cáo khác. HĐXX sẽ xem xét về tính chất, vai trò và nhân thân từng bị cáo để đánh giá, ấn định mức hình phạt khi lượng hình.

[3] Trong lượng hình xét thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS): các bị cáo Toàn, Nghĩa, Thiện, Hà, Chung không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS. Riêng bị cáo Sơn đã bị Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 10 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án ngày 23/3/2016, bị cáo ra trại ngày 08/9/2016. Nay bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả 6 bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải. Do vậy tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo Toàn, Nghĩa, Thiện, Hà, Chung về nhân thân chưa từng bị kết án nên được coi là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Riêng bị cáo Đào Xuân Sơn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo Sơn có thời gian tham gia quân đội; bị cáo Nguyễn Văn Chung sau khi bỏ trốn đã tự nguyện ra đầu thú nên các bị cáo Sơn, Chung được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Sau khi xem xét mọi mặt, HĐXX thấy rằng đây là vụ án đánh bạc có nhiều người tham gia, gây dư luận xấu tại địa bàn xã Chuyên Ngoại và khu vực lân cận, làm mất trật tự trị an địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc các bị cáo mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn. Tuy nhiên, như đã nhận định: các bị cáo Toàn, Nghĩa, Thiện, Hà, Chung là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo này phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 60 BLHS cho các

bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Sơn như đã nhận định, là người có nhân thân xấu nên HĐXX cần áp dụng Điều 33 BLHS cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành công dân tốt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét hoàn cảnh của các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, có khó khăn khác nhau nên HĐXX quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[5] *Về vật chứng của vụ án*:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5, vỏ màu vàng thu giữ của bị cáo Toàn và 01 điện thoại Nokia 105 thu giữ của bị cáo Nghĩa, quá trình điều tra xác định có liên quan đến hành vi phạm tội, nên HĐXX cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung Note 4 thu giữ của bị cáo Thiện và 01 điện thoại Nokia 1280 thu giữ của bị cáo Sơn, đã chứng minh làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội, nên HĐXX xét trả lại cho các bị cáo Thiện và Sơn.

- Đối với số tiền 23.050.000đ trong đó có 10.550.000đ là số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại là 12.500.000đ trong đó 5.500.000đ thu giữ của bị cáo Hà; 7.000.000đ thu giữ của bị cáo Toàn, quá trình điều tra không chứng minh được Hà, Toàn dùng số tiền trên thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, HĐXX xét trả lại cho các bị cáo Hà và Toàn.

- Đối với các vật chứng còn lại là công cụ, phương tiện để các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố**: Các bị cáo Lê Văn Toàn, Nguyễn Tuấn Nghĩa, Nguyễn Khánh Thiện, Trần Văn Hà, Đào Xuân Sơn và Nguyễn Văn Chung phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Lê Văn Toàn, Nguyễn Tuấn Nghĩa, Nguyễn Khánh Thiện, Trần Văn Hà và Nguyễn Văn Chung.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự đối với bị cáo: Đào Xuân Sơn.

+ Áp dụng riêng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Xuân Sơn và Nguyễn Văn Chung.

\* **Xử phạt**:

- Nguyễn Văn Chung: 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (17/11/2017).

- Bị cáo Đào Xuân Sơn: 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 31/7/2017.

- Các bị cáo: Lê Văn Toàn, Trần Văn Hà, Nguyễn Tuấn Nghĩa và Nguyễn Khánh Thiện, mỗi bị cáo 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (17/11/2017).

Giao các bị cáo Lê Văn Toàn, Trần Văn Hà, Nguyễn Tuấn Nghĩa, Nguyễn Văn Chung cho UBND xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Khánh Thiện cho UBND xã Trác Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

**2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 41 BLHS và điều 76 BLTTHS:**

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 5, vỏ màu vàng; 01 điện thoại Nokia 105 và số tiền 10.550.000đ (Mười triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Khánh Thiện: 01 điện thoại di động Samsung Note4.

- Trả lại cho bị cáo Đào Xuân Sơn: 01 điện thoại Nokia 1280.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn Hà: số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Toàn: số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

- Tịch thu cho tiêu hủy: Các vật chứng còn lại.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/10/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Duy Tiên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên).

**3. Án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Buộc các bị cáo Lê Văn Toàn, Nguyễn Tuấn Nghĩa, Nguyễn Khánh Thiện, Trần Văn Hà, Đào Xuân Sơn và Nguyễn Văn Chung, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm: các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện Duy Tiên;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạnh Xuân Hải**